

Số: 1170/BC-BCĐPCGD

Phong Thổ, ngày 22 tháng 11 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Quá trình thực hiện và kết quả PCGD, XMC năm 2023**

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Kế hoạch số 10/KH-BCĐ ngày 28/3/2022 của Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục huyện Phong Thổ về thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023; căn cứ kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ về việc thành lập Đoàn kiểm tra công nhận kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại các xã, thị trấn năm 2023.

Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ huyện Phong Thổ báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC) năm 2023, cụ thể như sau:

**A. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**I. ĐẶC ĐIỂM**

- Phong Thổ là huyện vùng cao biên giới, nằm ở phía Bắc của tỉnh Lai Châu, có diện tích tự nhiên là 1.034,6 km<sup>2</sup>, cách thành phố Lai Châu 30 km. Phía Bắc giáp huyện Kim Bình, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía Đông và Đông Nam giáp tỉnh Lào Cai, phía Nam giáp huyện Tam Đường và thành phố Lai Châu, phía Tây và Tây Nam giáp huyện Sìn Hồ. Có đường biên giáp với huyện Kim Bình, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) dài 97,229 km, có cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng. Toàn huyện có 16 xã và 01 thị trấn, trong đó có 12 xã biên giới tiếp giáp với Trung Quốc. Dân số hiện tại trên 83.000 người.

- Địa hình của huyện Phong Thổ tương đối phức tạp, chủ yếu là núi cao và thấp dần theo hướng Đông Bắc xuống Tây Nam. Khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, chịu ảnh hưởng của chế độ gió mùa, mùa Hè có gió mùa Đông Nam, kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, thời tiết nóng ẩm, mưa nhiều, thường gây ra lũ quét và sạt lở đất; mùa Đông có gió mùa Đông Bắc kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, thời tiết lạnh, khô và ít mưa.

- Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, các ngành công nghiệp, tiểu thủ công

ng nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ lệ thấp. Cơ cấu các ngành kinh tế: Nông, lâm, thủy sản 23,1%; Công nghiệp, xây dựng: 39,9%; Dịch vụ: 37%. Thu nhập bình quân đầu người 28 triệu đồng/năm.

- Năm học 2023-2024, toàn huyện có 48 trường (Mầm non 17 trường; Tiểu học 13 trường; THCS 13 trường và 05 trường liên cấp Tiểu học và THCS) với 837 lớp và 23.642 học sinh (Mầm non 273 lớp/6.290 cháu; Tiểu học 377 lớp/9.964 học sinh; THCS 187 lớp/7.388 học sinh). Tổng số CBQL, giáo viên và nhân viên toàn ngành là 1.563 (Cấp học Mầm non: 516, Tiểu học: 651, THCS: 399). Tổng số phòng học toàn huyện là 1030 (Mầm non: 287 phòng, Tiểu học: 549 phòng, THCS: 194 phòng).

## **II. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN**

### **1. Thuận lợi**

- Công tác Giáo dục của huyện Phong Thổ luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh, đặc biệt là sự chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Ban chỉ đạo PCGD, XMC tỉnh Lai Châu, Sở Giáo dục và Đào tạo, Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện cùng các Ban, ngành, đoàn thể huyện.

- Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các cấp từ huyện đến các xã, thị trấn luôn được củng cố, kiện toàn khi có thay đổi và hoạt động hiệu quả.

- Mạng lưới trường lớp được củng cố và phát triển, cơ bản đảm bảo các điều kiện để thực hiện công tác dạy và học ở các cấp học, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học từng bước được đầu tư, mua sắm. Mạng lưới giao thông ở các xã được quy hoạch, xây dựng thuận lợi cho việc đi lại của học sinh.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên toàn ngành giáo dục nhiệt tình, tâm huyết, chủ động, sáng tạo trong đổi mới quản lý, dạy và học; nhận thức tốt về ý nghĩa, mục tiêu công tác phổ cập giáo dục.

- Các chế độ chính sách đối với nhà giáo và trẻ em, học sinh được thực hiện đầy đủ kịp thời: miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa...

- Nhận thức của bậc cha mẹ học sinh ngày càng được nâng lên, quan tâm chăm sóc và tạo điều kiện để các em ra lớp.

### **2. Khó khăn**

- Phong Thổ là huyện vùng cao biên giới với 12/17 xã là xã đặc biệt khó khăn; trình độ dân trí không đồng đều giữa các vùng; địa bàn rộng, dân cư sống thưa thớt, giao thông đi lại ở giữa điểm chính đến một số bản ở các xã còn khó khăn, tỉ lệ hộ nghèo ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khá cao.

- Cơ sở vật chất trường lớp phục vụ giảng dạy, học tập hằng năm được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu giảng dạy, một số đơn vị vẫn còn thiếu các phòng bộ môn, chức năng.

- Một bộ phận phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc học của con em mình nên ảnh hưởng đến việc huy động học sinh ra lớp và chất lượng học tập.

- Đội ngũ giáo viên thực hiện giảng dạy ở các cấp học còn thiếu so với định mức.

- Hệ thống phần mềm phổ cập của Bộ GDĐT chưa được duy trì ổn định, nên ảnh hưởng đến công tác cập nhật số liệu của các đơn vị.

## **B. QUÁ TRÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO**

#### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh, Sở GD&ĐT, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và thực hiện công tác PCGD, XMC nói riêng: Kế hoạch số 273-KH/HU ngày 26/02/2020 về thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 90a/ KH-HU ngày 30/7/2021 của Huyện ủy Phong Thổ về việc thực hiện Kết luận số 112-KL/TU ngày 03/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu về tiếp tục thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng giáo dục vùng đặc biệt khó khăn" giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 1967/KH-UBND ngày 20/8/2021 của UBND huyện Phong Thổ về việc thực hiện Kết luận số 112-KL/TU ngày 03/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu về tiếp tục thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng giáo dục vùng đặc biệt khó khăn" giai đoạn 2021-2025.

#### **2. Tổ chức, chỉ đạo của Ban chỉ đạo PCGD, XMC**

- Để thực hiện tốt công tác PCGD, XMC, đảm bảo các chỉ tiêu đề ra cho từng năm và giai đoạn 2021-2025, Ban chỉ đạo PCGD, XMC cấp huyện đã ban hành các kế hoạch, Quyết định để chỉ đạo, thực hiện: Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện Phong Thổ về việc Thành lập Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ huyện PhongThổ giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1535/QĐ-BCĐPCGD ngày 14/7/2021 của BCĐPCGD huyện Phong Thổ về việc phân công nhiệm vụ Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ huyện Phong Thổ giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 10/KH-BCĐ ngày 28/3/2022 của Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục huyện Phong Thổ về thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023; Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt Kế hoạch mở lớp xóa mù chữ tại các xã vùng đặc biệt khó khăn năm 2023;

- Ban chỉ đạo PCGD, XMC từ huyện đến cấp xã đã thường xuyên quan

tâm chỉ đạo phong trào giáo dục. Công tác tuyên truyền vận động được các cấp, các ngành trong huyện tiến hành thường xuyên đã tác động tích cực đến nhân dân trong địa bàn toàn huyện.

### **3. Công tác xã hội hoá giáo dục**

- Toàn huyện vẫn tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị định số 05/2005/NĐ-CP của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, Y tế, Văn hóa và thể dục thể thao.

- Chỉ đạo cho các cơ quan ban ngành huyện, cùng các phương tiện thông tin đại chúng làm tốt công tác tuyên truyền vận động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số các lớp. Xây dựng trường lớp để phục vụ cho việc dạy và học.

- Tranh thủ được sự quan tâm, ủng hộ của các tổ chức, đoàn thể, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài huyện cho công tác phát triển giáo dục.

## **II. KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ NĂM 2023**

### **1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi**

#### **1.1. Các điều kiện đảm bảo thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi**

##### **a) Về đội ngũ giáo viên và nhân viên, cơ sở giáo dục mầm non**

Các điều kiện về đội ngũ giáo viên, nhân viên đảm bảo theo quy định, cụ thể:

- 100% GV được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

- 148/148 (đạt 100%) lớp mẫu giáo 5 tuổi được bố trí đủ giáo viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ;

- 238/238 (đạt 100%) giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên;

- 238/238 (đạt 100%) số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định tại Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

- Tất cả các trường có cấp mầm non đều phân phân công cán bộ, giáo viên theo dõi công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn.

##### **b) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

- Mạng lưới trường, lớp: Mạng lưới trường lớp, cơ sở GDMN thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn huyện được quan tâm, phát triển. 17/17 xã, thị trấn có cơ sở GDMN cơ bản đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của nhân dân. Điều kiện giao thông đảm bảo thuận lợi, an toàn trong việc đưa đón trẻ ra trường lớp mầm non.

- Cơ sở vật chất, thiết bị

+ Số phòng học được bố trí cho lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt tỷ lệ 1,0 phòng/lớp (148 lớp/148 phòng); 107/148 phòng học cho lớp mẫu giáo 5 tuổi được xây kiên cố, bảo đảm diện tích theo quy định, an toàn, đủ ánh sáng, ẩm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè;

+ Có 148 lớp/148 (đạt 100%) số lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh Mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non và Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh Mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ 17/17 (đạt 100%) xã, thị trấn có cơ sở GDMN đảm bảo các điều kiện về sân chơi xanh, sạch, đẹp và đồ chơi ngoài trời được sử dụng thường xuyên, an toàn; đủ công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, đảm bảo vệ sinh.

Kết luận: Huyện Phong Thổ đảm bảo các điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

## **1.2. Kết quả thực hiện tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi**

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi được huy động ra lớp: 1728/1728 (đạt tỷ lệ 100%)

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN: 1966/1966 (đạt tỷ lệ 100%)

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 2/2 (đạt tỷ lệ 100%)

- 17/17 (đạt 100%) xã, thị trấn đạt tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp, đạt tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non và đạt tỷ lệ trẻ 5 tuổi khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục theo quy định.

- 17/17 (đạt 100%) xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi.

***Kết luận: Huyện Phong Thổ đạt chuẩn Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.***

## **2. Phổ cập giáo dục tiểu học**

### **2.1. Các điều kiện đảm bảo thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học**

#### **a) Về đội ngũ giáo viên, nhân viên, cơ sở giáo dục tiểu học**

- Tổng số giáo viên: 775, 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên. Tỷ lệ giáo viên/lớp đạt: 1,5. Tỷ lệ giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học: 100%.

- Tổng số nhân viên: 42, chia ra: Nhân viên văn phòng: 29; Nhân viên thư viện, thiết bị: 13

- Tất cả các trường có cấp tiểu học đều phân công cán bộ, giáo viên theo dõi công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn.

### **b) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

- Năm học 2023 - 2024, toàn huyện có 18 trường có cấp tiểu học, (trong đó có 13 trường tiểu học và 05 trường liên cấp có cấp Tiểu học). Mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện được bố trí đảm bảo điều kiện cho học sinh đi học thuận lợi, an toàn.

- Toàn huyện có tỉ lệ số phòng học/lớp đạt  $549/377 = 1,46\%$ ; 100% các trường có cấp tiểu học đều đạt tỉ lệ ít nhất 1,0 phòng học/lớp; Phòng học theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; trong các lớp học có đầy đủ bảng, bàn ghế của giáo viên, học sinh; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè. Có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có thư viện, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội; phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên.

- Tất cả các trường tiểu học trên địa bàn huyện đều có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; sân chơi, bãi tập được sử dụng thường xuyên, đảm bảo an toàn, vệ sinh; có khu vệ sinh dành cho giáo viên và học sinh nam, nữ riêng biệt.

Kết luận: Huyện Phong Thổ đảm bảo các điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học.

### **2.2. Kết quả thực hiện tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học**

- Tỉ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: 1966/1966 (đạt tỉ lệ 100%).

- Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 7309/7351 (đạt tỉ lệ 99,4%).

- Tỉ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 2044/2078 (đạt tỉ lệ 98,4%)

- Tỉ lệ trẻ em 11 tuổi còn lại đang học tiểu học: 34/2078 (đạt tỉ lệ 1,6%).

- Tỉ lệ trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 97%.

- 17/17 (đạt 100%) xã, thị trấn trên địa bàn huyện đạt chuẩn phổ cập giáo

dục tiểu học mức độ 3.

**Kết luận: Huyện Phong Thổ đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.**

### **3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở**

#### **3.1. Các điều kiện đảm bảo thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở**

##### **a) Về đội ngũ giáo viên, nhân viên, cơ sở giáo dục phổ thông**

- Tổng số giáo viên: 318; tỷ lệ giáo viên/lớp đạt: 1,7; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên; 100% giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS.

- Tổng số nhân viên: 44, chia ra: Nhân viên thư viện: 15; Nhân viên thiết bị, thí nghiệm: 6; Nhân viên văn phòng: 16; Nhân viên y tế: 7

- Tất cả các trường có cấp THCS đều phân công cán bộ, giáo viên theo dõi công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn.

##### **b) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

- Trên địa bàn huyện có 18 trường có cấp THCS, các trường đều có vị trí, điều kiện giao thông bảo đảm cho trẻ em đi học thuận lợi, an toàn;

- Toàn huyện có số phòng học cho các lớp THCS là 194 phòng (đạt tỉ lệ 1,03 phòng/lớp). Phòng học được xây dựng an toàn, có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học, thư viện, phòng thí nghiệm.

- Các trường cơ bản đảm bảo đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS; 100% các trường có cấp THCS trên địa bàn huyện đều có sân chơi, bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

Kết luận: Huyện Phong Thổ đảm bảo các điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

#### **3.2. Kết quả thực hiện tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở**

- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS: 5824/6338 (đạt tỉ lệ 91,9%).

- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đã, đang học CT GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc GDNN: 3735/6338 (đạt tỉ lệ 58,9%).

- 15/17 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; 02/17 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

***Kết luận: Huyện Phong Thổ đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.***

#### **4. Kết quả thực hiện tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ**

- Số người từ 15 đến 35 tuổi được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 là 28818/29216 (đạt tỉ lệ: 98,6%);

- Số người từ 15 đến 35 tuổi được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 là 27330/29216 (đạt tỉ lệ: 93,5%);

- Số người từ 15 đến 60 tuổi được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 là 47614/49611 (đạt tỉ lệ: 96,0%).

- Số người từ 15 đến 60 tuổi được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 là 39889/49611 (đạt tỉ lệ: 80,4%).

- Số xã, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ: Mức độ 1 là 7/17; mức độ 2 là 10/17;

***Kết luận: Huyện Phong Thổ đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1.***

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

- Huyện uỷ, UBND, HĐND huyện quan tâm đến công tác giáo dục của địa phương; các ban ngành, đoàn thể từ huyện đến xã luôn phối hợp trong vận động và duy trì sĩ số học sinh ở các trường.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện thực tốt vai trò tham mưu trong công tác PCGD, XMC chỉ đạo các trường học thực hiện đảm bảo công tác nâng cao chất lượng giáo dục, điều tra, cập nhật số liệu lên phần mềm.

- Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã chủ động triển khai, làm tốt công tác tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng về vị trí, tầm quan trọng của công tác phấn đấu duy trì và từng bước nâng cao chất lượng PCGD, XMC đã đạt được trong những năm trước. Đến nay 100% các xã, thị trấn đã xây dựng được kế hoạch chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ, huy động được sự tham gia vào cuộc của các ban ngành, đoàn thể, sự đồng thuận ủng hộ của người học, phụ huynh học sinh và nhân dân, các cơ sở giáo dục đã xác định được trách nhiệm, vai trò trong công tác tham mưu và đã đạt được kết quả đáng ghi nhận.

- Ban Chỉ đạo PCGD, XMC các xã, thị trấn phát huy tốt vai trò tham mưu trong công tác giáo dục của địa phương, thiết lập hồ sơ PCGD, XMC cơ bản đảm bảo.

- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã, thị trấn đã làm tốt công tác tham



muu với Ban chỉ đạo PCGD, XMC của xã, thị trấn triển khai có hiệu quả kế hoạch thực hiện công tác PCGD, XMC. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường trên địa bàn các xã, thị trấn cố nhiều cố gắng, tích cực, có tinh thần trách nhiệm trong công tác điều tra và cập nhật dữ liệu vào phần mềm.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

- Cơ sở vật chất trường lớp được các cấp quan tâm đầu tư, xây dựng nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học ở các đơn vị.

- Công tác tuyên truyền của các địa phương về học nghề của học sinh sau tốt nghiệp THCS chưa tạo được sự đồng thuận trong Nhân dân, tỉ lệ học sinh học nghề sau THCS ở các xã còn thấp.

- Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi từ 15 đến 18 có bằng tốt nghiệp THCS và tỷ lệ người dân từ 15 đến 60 tuổi biết chữ của một số xã còn chưa cao.

## **C. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ NĂM 2024**

### **I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

- Tiếp tục thực hiện Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về PCGD, XMC.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác điều tra, cập nhật số liệu, có giải pháp duy trì và nâng cao chất lượng PCGD, XMC.

- Tiếp tục tham mưu các cấp trong việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung đội ngũ đảm bảo theo Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, tích cực vận động toàn xã hội tiếp tục tham gia xây dựng sự nghiệp giáo dục, đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục, chuẩn quốc gia.

- Tập trung chỉ đạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá ở các đơn vị trường học, thực hiện việc phân luồng sau tốt nghiệp THCS.

- Tiếp tục mở các lớp xóa mù chữ tại các xã vùng đặc biệt khó khăn có tỷ lệ người mù chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60 còn thấp.

## **II. CHỈ TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHỔ CẬP GIÁO DỤC NĂM 2024**

### **1. Chỉ tiêu**

- Nâng cao chất lượng cho đội ngũ giáo viên các cấp học (hoàn thành lộ trình giáo viên đạt chuẩn trình độ theo Luật giáo dục 2019); từng bước giữ vững

và nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn; làm tốt công tác huy động học sinh ra lớp và duy trì sĩ số trong các trường MN, TH, THCS để nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ em và chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

- Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ giáo viên cho việc thực hiện nhiệm vụ duy trì, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập ở tất cả các cấp học và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao tỉ lệ và chất lượng PCGDMN cho trẻ 5 tuổi, PCGD Tiểu học, PCGD trung học cơ sở và xóa mù chữ.

- Đảm bảo 17/17 số xã, thị trấn đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ 5 tuổi.

- Đảm bảo 17/17 số xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD Tiểu học. Duy trì 17/17 xã đạt mức độ 3.

- 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD THCS. Trong đó, 15/17 số xã đạt mức độ 2, 02/17 số xã đạt mức độ 3.

- Đảm bảo 17/17 số xã, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ. Trong đó, 7/17 số xã đạt mức độ 1, 10/17 số xã đạt mức độ 2.

## **2. Giải pháp thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ**

- Kịp thời kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ khi có thay đổi, đồng thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục trên địa bàn; tổ chức tập huấn để thực hiện tốt công tác điều tra, nhập dữ liệu cho các xã, thị trấn và các nhà trường; triển khai các kế hoạch kiểm tra, công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với các xã, thị trấn theo lộ trình từng năm để đạt mục tiêu đặt ra theo kế hoạch của huyện.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Chỉ đạo các xã, thị trấn và các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau như: thông qua báo, đài, bảng tin, các hội nghị... để các bậc cha mẹ học sinh và cộng đồng cùng tham gia công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Tiếp tục tham mưu các cấp đầu tư nguồn kinh phí, xây dựng trường, lớp nhằm đảm bảo số trẻ/trường, lớp, đặc biệt là phần đầu tăng tỷ lệ huy động trẻ dưới 5 tuổi và trẻ nhà trẻ ra lớp, tăng tỷ lệ phân luồng sau THCS; tiếp tục củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp bảo đảm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt việc điều tra, cập nhật, thống kê rà soát tất cả các đối tượng bỏ học trong độ tuổi; có kế hoạch huy động số học sinh ra lớp và duy trì theo chỉ tiêu giao; tăng cường công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu kém. Các đơn vị dự báo các chỉ số về PCGD, XMC ở các năm tiếp theo để

xây dựng kế hoạch thực hiện công tác PCGD đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng PCGD của đơn vị.

- Tiếp tục bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tập trung đổi mới công tác quản lý gắn với kiểm tra, tích cực đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy và học trong nhà trường. Giao nhiệm vụ cụ thể cho Hiệu trưởng trường học trong việc phối hợp, tham mưu về công tác huy động, duy trì học sinh, thực hiện đảm bảo chất lượng nhằm đạt được mục tiêu PCGD Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở.

- Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tuyên truyền, vận động, kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có tiềm lực đầu tư vào giáo dục.

- Quan tâm khen thưởng, động viên các đơn vị, tập thể, cá nhân có thành tích cao trong công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

#### **D. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Đề nghị Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của tỉnh kiến nghị Bộ GD&ĐT tiếp tục nâng cấp, duy trì hệ thống phần mềm quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ để thuận lợi cho công tác nhập dữ liệu, báo cáo, thống kê.

Trên đây là báo cáo quá trình thực hiện và kết quả Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của huyện Phong Thổ, kính trình Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh Lai Châu công nhận huyện Phong Thổ đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023./.

#### **Nơi nhận:**

- BCĐ PCGD, XMC tỉnh Lai Châu(b/c);
- Sở GD&ĐT tỉnh Lai Châu(b/c);
- Đoàn kiểm tra PCGD, XMC tỉnh(b/c);
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND huyện(b/c);
- BCĐ PCGD, XMC huyện;
- BCĐ PCGD, XMC các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, BCĐPCGD, XMC huyện.

**TM. BAN CHỈ ĐẠO PHỔ CẬP  
KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Khổng Văn Thiện  
TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT**